

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VIẾT TIẾNG TRUNG TRUNG CẤP 1
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tiếng Trung nhà hàng – khách sạn		
Mã học phần:	71MAND40383	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71K27DPHT01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	90	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Nắm vững những kiến thức cơ bản tổng quát về nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn.	trắc nghiệm	30%	câu 1,2	3	3
CLO 2	Nắm được vốn từ vựng, cấu trúc, mẫu câu đối thoại liên quan đến nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn.	tự luận	40%	câu 3,4	4	3
CLO 3	Thực hành được kỹ năng phân đoán, kỹ năng hệ thống các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn.	tự luận	30%	câu 5	3	5

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 1.5 điểm mỗi câu)

选择最正确的词语填空：你能告诉我这道菜是_____做的吗？

- A. 怎么
- B. 怎样
- C. 怎么样
- D. 什么

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：你能_____到我们酒店热情周到的服务。

- A. 享受
- B. 收
- C. 受
- D. 享

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：我需要在用_____早餐之后用热水服药。

- A. 完
- B. 好
- C. 到
- D. 着

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：那么我们安排服务生 9 点来_____行李可以吗？

- A. 取
- B. 收
- C. 提
- D. 抱

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：您什么时候_____让我帮您打扫房间呢？

- A. 方便
- B. 随便
- C. 便利
- D. 顺利

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：_____头等舱客票的游客可以带两件总重量不超过 5 公斤的行李上飞机。

- A. 持
- B. 带
- C. 买
- D. 有

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：好了，这是您的机票、认领行李的_____，登机牌和护照。

- A. 标签
- B. 签字
- C. 签证
- D. 标票

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：欢迎搭乘越南航空，在飞机起飞前，请大家_____安全带，注意看飞行安全事项。

- A. 系好
- B. 系紧
- C. 紧紧
- D. 好好

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：吉安国际酒店是集餐饮、游泳、会议、休闲娱乐为一体的吉安唯一涉外_____商务酒店。

- A. 综合型
- B. 单一型
- C. 专业型
- D. 有限型

ANSWER: A

选择最正确的词语填空：经过跨洋飞行以后，我很想_____个澡来恢复一下精神。

- A. 洗
- B. 先
- C. 来
- D. 刷

ANSWER: A

判断正误：靠窗户后一点的桌子通常不能欣赏到湖上的景色。

- A: 错
- B: 对

ANSWER: A

判断正误：旅游时，游客常常要吃本地的特色菜。

- A: 对
- B: 错

ANSWER: A

判断正误：越南北部的特色菜有：米粉、鱼露米线、粉卷等。

- A: 错
- B: 对

ANSWER: A

判断正误：现在在越南，最受欢迎的付账方式是用支票支付的。

- A: 错
- B: 对

ANSWER: A

判断正误：加急服务比标准服务便宜。

- A: 错

B: 对

ANSWER: A

判断正误: 酒店的行李寄存处是指为游客提供的一个服务区域, 游客可以在办理入住前或退房后临时存放行李。

A: 对

B: 错

ANSWER: A

判断正误: 在正常的条件下, 酒店在上午 11:30 至下午 2:30 不提供清扫房间的服务。

A: 对

B: 错

ANSWER: A

判断正误: 现在游客一般不使用酒店的叫醒服务。

A: 对

B: 错

ANSWER: A

判断正误: 乘客可以用护照来代替登机牌上飞机。

A: 错

B: 对

ANSWER: A

判断正误: 外向人与内向人选择娱乐的地方时, 通常会有不同的选择。

A: 对

B: 错

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi + 7 điểm)

Câu 3: 排列成句 (2 分)

1. 坐落在/第一郡/胡志明市中心/友谊宾馆/阮惠路
2. 提供/将为您/这儿有/完备的/舒坦的服务/健身, 桑拿, 按摩, 美容设施
3. 仍有幸/我们愿/欢迎您/不久的将来/在此
4. 请您/行李的方便/描写一下/它的模样/为了寻找
5. 不在窗户旁边/不过/我会给您/很好的桌子/安排一个
6. 越南盾/您的票价/两张一共/是两百万/400 万越南盾
7. 但是您得/给您订这个/的手续费/我可以/另付更改航班
8. 关于/你能/地描写一下儿/友谊宾馆/进一步
9. 在武汉站停车/列车会/会再一次出发/中午 12 点/然后下午 1 点
10. 以求把/将不断努力工作/奉献给宾客/我们饭店/最高水准的服务/

Câu 4: 完成会话 (2 分)

a 游客：_____？

售票员：一般来说可以提前三十天购买。

游客：那我想订一张下个月十一号到南宁的火车票。

售票员：_____？

b 乘客：空姐，你能不能告诉我我的座位在哪儿？

空姐：_____

乘客：我有点渴，你可以给我一些饮料吗？

空姐：_____？

乘客：我要一杯豆浆。

c 游客：你这的单人间和双人间分别怎么收费的？

服务员：_____

游客：这听起来似乎很合理。好吧，我得和老板谈谈再决定。

服务员：_____

d 游客：请问，_____？

服务员：单人房六十美元一天。

游客：包括什么服务类型在内呢？

服务员：_____

e 游客：_____？

柜台服务员：请问，您带的是多少钱？

游客：人民币。今天人民币的外汇比价是多少？

柜台服务员：一_____

Câu 5: 回答问题（3分）

a. 这种菜叫什么名字？请介绍一下它的做法。



b 从你家到新山一国际机场怎么走？

c 游客是个不好人，故意说你酒店把他衣服弄坏了，你怎么跟他谈？

d 你自己是内向人，你朋友是外向人。你们怎么找娱乐的地方？

e 游客抱怨说，你店的虾不新鲜，你怎么跟他谈？

f 请谈一谈你对这门课的心得体会。

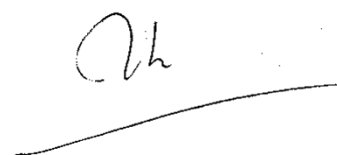
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		3.0	
Câu 1 – 10	A	0.15	
Câu 11 – 20	A	0.15	
II. Tự luận		7.0	
Bài 3	1. 友谊宾馆坐落在胡志明市中心第一郡阮惠路 2. 这儿有完备的健身，桑拿，按摩，美容设施将为您提供舒坦的服务 3. 我们愿不久的将来仍有幸在此欢迎您 4. 为了寻找行李的方便请您描写一下它的模样	2.0	

	5. 我会给您安排一个很好的桌子，不过不在窗户旁边 6. 您的票价是两百万越南盾，两张一共 400 万越南盾。 7. 我可以给您订这个，但是您得另付更改航班的手续费。 8. 你能进一步地描写一下儿关于友谊宾馆 9. 中午 12 点列车会在武汉站停车，然后下午 1 点会再一次出发。 10. 我们饭店将不断努力工作以求把最高水准的服务奉献给宾客		
Bài 4	Nội dung logic, diễn đạt đúng ngữ pháp	2.0	
Bài 5	Trả lời đúng trọng tâm, diễn đạt đúng ngữ pháp	3.0	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề
Đã duyệt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2024
Giảng viên ra đề



TS. Phạm Đình Tiến

ThS. Hà Thị Minh Trang